

Model		ZZ4187Y421GZ1BSEV4A			
Version		Standard	Road	National road	
Mode		Charging/ Battery swapping	Wheel base	4200	
Driving type		4×2	Cargo box	/	
Mass	GVW(kg)	18000	Perfor mance	Minimum turning diameter (m)	17.2
	Kerb mass(kg)	9260/9860		Minimum ground clearance (mm)	222
	Front axle load(kg)	6500		Approach Angle °	18
	Rear axle load(kg)	11500		Departure Angle °	43
Cabin	Cabin type	TX-U (double berth)		Maximum climb % (full load)	≥20
	Driver	2 person		Maximum speed (km/h)	89
Driving motor	Model	TZ388XS-ZQV13	Control ler	Manufacturer	SINOTRUK
	Manufacturer	SINOTRUK		Cooling mode	Liquid cooling
	Power (rated/peak) kW	340/520		All in one	Six in one
	Torque (rated/peak) Nm/kW	1500/3000			
Battery	Battery type	Lithium iron phosphate	Transm ission	Model number	HW30706XAL
	Manufacturer	CATL		Control	Automatic
	Nominal voltage (V)	618		Gear ratio	11.765/7.09/4.318/2.725/1.641/ 1 R11.765
	Total energy (kWh)	400.61		PTO optional	HW50
Front axle	Model	VGD71	Rear axle	Model	MCJ13JGY
	Capacity(kg)	7100		Capacity(kg)	13000
	Brands & Manufacturers	SINOTRUK		Ratio	5.29
				Brands & Manufacturers	SINOTRUK
Suspen sion	3/5				
Chassi s	8/280		Type	12R22.5	
Streeri ng	Model Make	RV470120 BOSCH	Brakin g system	Service brake system type	Dual circuit pneumatic
	Type	Recirculating ball-type		Brake force adjustment type	ABS+ESC
	Powered	Hydraulic assist		Parking brake system type	Spring energy storage brake
				Auxiliary brake system type	Regenerative braking
Other	<p>Standard: Front and rear airbag cab suspension, handheld electric lift, multi-function steering wheel, electrically heated and electrically operated rearview mirrors, automatic air conditioning, 10.1-inch central control screen, low-mounted bumper (non-metallic), airbag-equipped driver's seat (right armrest/fabric), airbag-equipped passenger seat (fabric), lower door trim panels, electromagnetic power switch.</p> <p>Option: All-wheel tire pressure monitoring system, Top fairing, Rear tow hook, 1000W inverter power supply, Manual sunroof, Full LCD instrument cluster, Four-way camera system, 90# JOST, Integral mudguards</p>				



ĐÀU KÉO TX 4×2 – DẪN ĐỘNG TRUNG TÂM – 400kWh – VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ

Hạng mục	Nội dung
Model	ZZ4187Y421GZ1BSEV4A
Phiên bản	Tiêu chuẩn
Điều kiện vận hành	Đường bộ / Quốc lộ
Phương thức	Sạc điện / Hoán đổi pin
Chiều dài cơ sở	4200 mm
Công thức dẫn động	4×2
Thùng hàng	/

TRỌNG LƯỢNG

Hạng mục	Thông số
Tổng trọng lượng (GVW)	18.000 kg
Khối lượng bản thân	9.260 / 9.860 kg
Tải trọng trục trước	6.500 kg
Tải trọng trục sau	11.500 kg

HIỆU SUẤT

Hạng mục	Thông số
Đường kính quay tối thiểu	17.2 m
Khoảng sáng gầm xe	222 mm

Hạng mục	Thông số
Góc tiếp cận	18°
Góc thoát	43°
Khả năng leo dốc (đầy tải)	≥20%
Tốc độ tối đa	89 km/h

CABIN

Hạng mục Thông số

Kiểu cabin TX-U (2 giường nằm)

Số chỗ 2 người

ĐỘNG CƠ ĐIỆN DẪN ĐỘNG

Hạng mục	Thông số
Model	TZ388XS-ZQV13
Nhà sản xuất	SINOTRUK
Công suất (định mức/đỉnh)	340 / 520 kW
Mô-men xoắn (định mức/đỉnh)	1500 / 3000 Nm
Phương thức làm mát	Làm mát bằng dung dịch
Bộ điều khiển	SINOTRUK
Hệ thống tích hợp	6 trong 1

ẮC QUY

Hạng mục	Thông số
Loại pin	Lithium sắt phosphate (LFP)
Nhà sản xuất	CATL
Điện áp danh định	618 V
Tổng dung lượng	400.61 kWh

HỘP SỐ

Hạng mục	Thông số
Model	HW30706XAL
Điều khiển	Tự động
Tỷ số truyền	11.765 / 7.09 / 4.318 / 2.725 / 1.641 / 1 / R11.765
PTO	Tùy chọn (HW50)

CẦU XE

Cầu trước

Hạng mục	Thông số
Model	VG71
Tải trọng	7.100 kg

Hạng mục Thông số

Nhà sản xuất SINOTRUK

Cầu sau

Hạng mục Thông số

Model MCJ13JGY

Tải trọng 13.000 kg

Tỷ số truyền 5.29

Nhà sản xuất SINOTRUK

HỆ THỐNG TREO

| Thông số | 3/5 |

KHUNG GÀM

| Thông số | 8/280 |

LỚP

| Thông số | 12R22.5 |

HỆ THỐNG LÁI

Hạng mục Thông số

Model RV470120

Nhà sản xuất BOSCH

Loại Bi tuần hoàn

Trợ lực Thủy lực

HỆ THỐNG PHANH

Hạng mục Thông số

Phanh chính Phanh khí nén 2 dòng

Điều chỉnh lực phanh ABS + ESC

Phanh đỗ Phanh tích năng lò xo

Phanh phụ Phanh tái sinh năng lượng

TRANG BỊ KHÁC

Tiêu chuẩn:

- Treo cabin trước và sau bằng túi khí
- Nâng hạ cabin bằng điện (cầm tay)
- Vô lăng đa chức năng
- Gương chiếu hậu chỉnh điện, có sưởi
- Điều hòa tự động
- Màn hình trung tâm 10.1 inch
- Cản trước thấp (phi kim loại)
- Ghế lái túi khí (tỳ tay phải / bọc vải)
- Ghế phụ túi khí (bọc vải)

- Ốp trang trí cửa dưới
- Công tắc nguồn điện từ

Tùy chọn:

- Hệ thống giám sát áp suất lốp toàn xe (TPMS)
- Cánh hướng gió nóc
- Móc kéo phía sau
- Nguồn điện inverter 1000W
- Cửa sổ trời chỉnh tay
- Bảng đồng hồ LCD toàn phần
- Hệ thống camera 4 hướng
- Mâm kéo JOST 90#
- Chấn bùn tích hợp